

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 27 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: I đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Đ, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1977, nơi sinh: Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: MP 197/42/52/10 đường TL15, tổ A, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Như trên; nghề nghiệp: Kinh doanh (Giám đốc Công ty Cổ phần X); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P (đã chết) và bà Bùi Thị P1, sinh năm: 1941; vợ Nguyễn Thị Mỹ N; 03 người con Lê Đông Q, sinh năm: 2008, Lê Khả H, sinh năm: 2018 và Lê K, sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2022 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Anh Lê Viết H1 (đã chết)

Địa chỉ: Số B đường số A DT717, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Hoàng Thị N1, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Số B đường số A DT717, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị Mỹ P2, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số F, xóm E, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin vắng mặt).

+ Trẻ Lê Hoàng Uyển N2, sinh ngày: 29/3/2009

+ Trẻ Lê Viết Hoàng N3, sinh ngày: 10/8/2016

Địa chỉ: Số F, xóm E, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của hai trẻ Lê Hoàng Uyển N2 và Lê Viết Hoàng N3: Chị Hoàng Thị Mỹ P2 (mẹ ruột); trú tại: Số F xóm E, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận là người giám hộ của hai cháu (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn dân sự*: Công ty Cổ phần X

Trụ sở: 197/42/52/10 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Lê Đ, trú tại: M đường T, tổ A, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn dân sự (Giám đốc Công ty Cổ phần X) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/10/2020, ông Huỳnh Trọng T có ký Hợp đồng kinh tế số 01/10/2020-HĐKT với Công ty Cổ phần X do Lê Đ là giám đốc. Theo đó, ông T là chủ đầu tư công trình xây dựng nhà ở số D T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty X Đ nhận thi công công trình xây mới và cải tạo căn nhà D T với quy mô nhà 01 trệt, 01 lửng, 02 lầu, sân thượng, mái; khung nhà bê tông cốt thép, tường bao gạch ống, móng băng bê tông cốt thép; phần vật tư do chủ đầu tư cung cấp; tổng giá trị hợp đồng là 1.085.000.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng: Khởi công ngày 21/9/2020 đến ngày 05/3/2021 hoàn thiện công trình bàn giao. Theo quy định tại mục 2 Điều IV của Hợp đồng kinh tế thì nhà thầu thi công có trách nhiệm quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng, đảm bảo an toàn khu vực thi công, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ. Thực hiện hợp đồng, Lê Đ đã thuê ông Lê C làm thợ hồ và hỗ trợ Đ quản lý thợ thi công, ứng tiền chủ đầu tư thanh toán hàng tuần cho thợ thi công.

Cuối tháng 10 năm 2020, Công ty X thi công xây mới và cải tạo căn nhà D T và xây thêm thang máy. Khoảng ngày 21/12/2020, Lê Đ gặp ông Nguyễn Trọng T1 nói đến gặp Lê C để thống nhất giá nhận khoán thi công sơn nước hoàn thiện công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ tại số D T. Cùng ngày, ông T1 gặp Lê C tại công trình này thỏa thuận miệng giá nhân công sơn hoàn thiện là 120.000.000 đồng, thời gian thi công theo tiến độ công trình, vật tư do chủ đầu tư cung cấp. Sau đó, ông T1 thỏa thuận miệng thuê Lê Viết H1 thi công sơn giá 500.000 đồng/ngày tại công trình D T. Ngày 28/12/2020, Nguyễn Trọng T1 cùng Lê Viết H1 và các thợ sơn khác (do T1 thuê) thi công sơn hoàn thiện công trình xây dựng nhà ở trên. Ngày 26/02/2021, Lê Viết H1 bắc 02 cây xà cồ bằng kim loại khu vực tầng 2 cầu thang bộ song song với nhau gồm 01 đầu để lên sàn tầng 2, đầu còn lại cho vào 02 lỗ trong tường, tiếp đến H1 để 02 tấm tôn bằng kim loại lên 02 cây xà gỗ, không có lan can an toàn và không có lưới chống rơi bảo vệ, dựng 01 cây thang xếp 01 đầu chống xuống chiếu nghỉ cầu thang bộ giữa tầng 1 lên tầng 2 và đầu còn lại chống vào

tường lên tầng 2. H1 mặc quần K1, áo thun, không dây đeo an toàn đứng trên 02 tấm tôn bằng kim loại để trét bột và chà nhám khu vực cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 2, H1 đứng 01 chân trên tấm tôn bằng kim loại và 01 chân trên đầu cây thang để trét bột và chà nhám khu vực cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 2 ở độ cao 9,5m so với mặt bằng tầng trệt. H1 làm buổi sáng nghỉ để nguyên 02 tấm tôn bằng kim loại gác lên 02 cây xà gỗ và 01 cây thang như trên. Khoảng 08 giờ ngày 27/02/2021, H1 sơn tại chiếu nghỉ cầu thang bộ tầng 1 lên tầng 2 của công trình. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, H1 bị té ngã xuống hố thang máy tầng trệt. H1 được đưa vào Bệnh viện T3 cấp cứu nhưng đã chết trước khi vào Bệnh viện.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn lao động xảy ra tại công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ số D T, Phường A, quận T thể hiện: Nhà có diện tích 5,5m x 17,5m, có kết cấu 01 trệt 03 lầu đang trong quá trình hoàn thiện sơn nước. Từ cửa trước vào 8m sát tường trái có cầu thang bộ hình chữ U rộng 95cm, ở giữa cầu thang có 01 hố đặt thang máy có kích thước dài 1,6m x rộng 1,6m x sâu 1,3m. (1) vị trí đáy hố thang máy cách cửa chính 10m và cách tường trái 2m là nơi Lê Viết H1 nằm khi bị té ngã có dấu vết ẩm ướt, đang khô dần. Theo lối cầu thang dẫn lên lầu 1 và tiếp đến lầu 2 ghi nhận: từ lầu 1 lên lầu 2, tại vị trí bậc thang 7 (cầu thang nghỉ) có kích thước 95 x 95cm. đặt vị trí 2 là thang xếp, con lăn sơn, chổi sơn. (2) cách cửa trước 10,5m, cách tường trái 0,5m tại tường này có vết sơn mới còn ẩm đang khô dần có vết sơn quệt trên tường cao 1,7m x 0,3m. Đặt vị trí (3) cách chân cầu thang lầu 1: 0,5m là vị trí thùng sơn dung tích 18 lít còn khoảng 300ml sơn, thùng bị ngã. Tại lầu 2 có hai cây kim loại kích thước 350cmx10cm x4cm được đặt ngang, một đầu đặt vào lỗ hổng trên tường, đầu còn lại đặt trên nền lầu 2, trên 02 thanh kim loại này đặt 02 tấm kim loại sát nhau, mỗi tấm có kích thước 100cm x 50cm x2m, độ cao cách nền tầng trệt 9,5m.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 1477-21/PC09-KLGD-PY ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Phòng K2 Công an Thành phố H kết luận nguyên nhân chết của anh Lê Viết H1: Chết do đa chấn thương. Trong máu không tìm thấy cồn. Trong máu và nước tiểu không tìm thấy ma túy.

Ngày 03/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 1845/CQCSĐT-ĐTTH đề nghị Thanh tra Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H thành lập đoàn điều tra tai nạn.

Ngày 26/3/2021, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Quyết định số 8844/QĐ-SLĐTBXH về việc thành lập Đoàn điều tra lao động.

Tại Biên bản điều tra tai nạn lao động số 11/TNLD-2021 ngày 05/11/2021 của Đoàn điều tra tai nạn lao động Thành phố H kết luận: *“VII. Nguyên nhân gây ra tai nạn:*

1. Biện pháp thi công không đảm bảo an toàn: Công nhân làm việc trên cao nhưng sàn công tác không có lan can an toàn, không có lưới chống rơi bảo vệ hoặc dây đeo an toàn, dẫn đến trong quá trình làm việc công nhân bị té ngã từ sàn công tác xuống hố giếng thang tầng trệt công trình (độ cao 10,8m). Vi phạm quy định tại Điều 2.1.5 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 18:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng”; vi phạm quy định tại Điều 115 Luật Xây dựng: Điều

34 khoản 3 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Không kiểm tra đánh giá, các yếu tố nguy hiểm, các nguy cơ mất an toàn lao động tại công trình trước khi phân công công việc cho công nhân để đề ra biện pháp kỹ thuật an toàn lao động nhằm loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm. Vi phạm khoản 1 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

3. Công nhân không được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (dây đeo an toàn) khi thực hiện công việc trên cao. Vi phạm quy định Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động, Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ L thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân” để trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định.

4. Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đúng quy định cho các công nhân làm việc tại công trình để công nhân có ý thức tự đề phòng tai nạn cho bản thân. Vi phạm Điều 132 Bộ luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

VIII. Kết luận về vụ tai nạn:

Đoàn điều tra tai nạn lao động kết luận trường hợp tai nạn làm chết ông Lê Viết H1 là tai nạn lao động có lỗi chính của người sử dụng lao động.

IX. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:

a/ Kết luận về những người có lỗi:

1. Ông Nguyễn Trọng T1 – người nhận khoán thi công hạng mục sơn nước từ Công ty Cổ phần X:

Là người trực tiếp nhận khoán nhân công để thi công hạng mục sơn nước tại công trình tuy nhiên chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động khi thực hiện công việc: Để công nhân làm việc trên cao nhưng sàn công tác không có lan can an toàn, không có lưới chống rơi bảo vệ hoặc dây đeo an toàn, dẫn đến trong quá trình làm việc công nhân bị té ngã từ sàn công tác xuống tầng trệt công trình (độ cao 10,8m). Vi phạm quy định tại Điều 2.1.5 Quy chuẩn Việt Nam QCVN 18:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng”; Vi phạm quy định tại Điều 115 Luật Xây dựng; Điều 34 khoản 3 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Không trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (dây đeo an toàn) cho người lao động khi thực hiện công việc trên cao. Vi phạm quy định Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ L “Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân” để trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định.

Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đúng quy định cho các công nhân làm việc tại công trình để công nhân có ý thức tự đề phòng tai nạn cho bản thân. Vi phạm Điều 132 Bộ luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2. Ông Lê Đ – Giám đốc Công ty Cổ phần X:

Không tổ chức kiểm tra đánh giá, các yếu tố nguy hiểm, các nguy cơ mất an toàn lao động tại công trình trước khi phân công công việc cho công nhân để đề

ra biện pháp kỹ thuật an toàn lao động nhằm loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm. Vi phạm khoản 1 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Không trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (dây đeo an toàn) cho người lao động khi thực hiện công việc trên cao. Vi phạm quy định Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ L “Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân” để trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định.

Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đúng quy định cho các công nhân làm việc tại công trình để công nhân có ý thức tự đề phòng tai nạn cho bản thân. Vi phạm Điều 132 Bộ luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

3. Ông Lê C – Giám sát công trình Công ty Cổ phần X:

Không tổ chức kiểm tra đánh giá, các yếu tố nguy hiểm, các nguy cơ mất an toàn lao động tại công trình trước khi phân công công việc cho công nhân để đề ra biện pháp kỹ thuật an toàn lao động nhằm loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm. Vi phạm khoản 1 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Không kiến nghị người sử dụng lao động trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (dây đeo an toàn) cho người lao động khi thực hiện công việc trên cao. Vi phạm quy định Điều 23 Luật an toàn, vệ sinh lao động; Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ L “Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân” để trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định.

Không kiến nghị người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đúng quy định cho các công nhân làm việc tại công trình để công nhân có ý thức tự đề phòng tai nạn cho bản thân. Vi phạm Điều 132 Bộ luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

4. Ông Huỳnh Trọng T – Chủ đầu tư công trình nhà ở riêng lẻ địa chỉ số D T, Phường A, quận T:

Tổ chức thi công công trình khi công trình chưa được cấp giấy phép xây dựng theo quy định, quá trình tổ chức thi công không tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác an toàn lao động của các nhà thầu thi công tại công trình. Vi phạm quy định Điều 12, Điều 115 Luật Xây dựng; Điều 34 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b/ Đề nghị hình thức xử lý: Căn cứ tính chất nghiêm trọng của vụ tai nạn lao động làm chết người và yếu tố vi phạm pháp luật của các lỗi vi phạm, Đoàn điều tra tai nạn lao động Thành phố H đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình khởi tố vụ án lao động làm chết ông Lê Viết H1 và xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm trong vụ tai nạn lao động do lỗi thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định của nhà nước về an toàn lao động, vi phạm các quy định của Bộ luật lao động, Luật an toàn, vệ sinh lao động và Luật Xây dựng dẫn đến tai nạn lao động làm chết công nhân Lê Viết H1”.

Ngày 16/11/2021, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H có Văn bản số 37453/SLĐTBXH-TTS chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án tai nạn lao động

đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T và Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị khởi tố vụ án lao động xảy ra ngày 27/02/2021 làm chết anh Lê Viết H1.

* Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 40cm và 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 1m dùng để lau vết máu cho Lê Viết H1.

- 01 (một) thùng sơn màu vàng trắng, có quai và chữ D, hình trụ tròn cao khoảng 35cm; 01 (một) con lăn (rulo) cán bằng nhựa, đầu con lăn dài 25cm; và 01 (một) cây cọ cán bằng gỗ dài 20cm.

Bản cáo trạng số 33/CTr-VKS ngày 08 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Đ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, tại công trình xây dựng nhà ở nhà ở riêng lẻ số D T, Phường A, quận T do Lê Đ ký hợp đồng thi công, trong quá trình thi công do không đảm bảo an toàn xây dựng dẫn đến công nhân Lê Viết H1 ngã xuống hồ thang máy tầng trệt chết. Hành vi của Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của Đ đã vi phạm quy định về an toàn lao động dẫn đến chết người, làm ảnh hưởng đến tính mạng người lao động và trật tự trị an ở địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Đ về tội vi phạm quy định về an toàn lao động. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Lê Đ phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, phạt tiền bị cáo Lê Đ từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị Mỹ P2 (vợ anh Lê Viết H1) đã được Lê Đ đại diện Công ty Cổ phần X bồi thường, hỗ trợ số tiền 98.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng hỗ trợ 3.000.000 đồng để chị P2 chăm sóc Lê Viết Hoàng N3 (con anh Lê Viết H1) đến khi đủ 18 tuổi nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; ngoài ra ông Huỳnh Trọng H2 cũng hỗ trợ 50.000.000 đồng cho gia đình anh Lê Viết H1.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị cáo thống nhất mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi cháu Lê Viết Hoàng N3 (con anh Lê Viết H1) là 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Hoàng N3 đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị Hoàng Thị Mỹ P2.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo lần đầu phạm tội, sự việc xảy ra ngoài ý muốn, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo được tiếp tục ở

ngoài đi làm để chu cấp tiền cho cháu Lê Viết Hoàng N3 (con anh Lê Viết H1), có thời gian để phụng dưỡng mẹ già và chăm sóc nuôi dạy 03 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị đơn dân sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Mỹ P2 là người đại diện hợp pháp của bị hại vừa là người giám hộ của cháu Lê Hoàng Uyên N2 và cháu Lê Viết Hoàng N3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra đã có lời khai của chị P2 và sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Mỹ P2.

Đối với bà Hoàng Thị N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không rõ yêu cầu. Quá trình điều tra đã có lời khai của bà N1 và sự vắng mặt của bà N1 không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, việc bà N1 vắng mặt chỉ trở ngại cho việc giải quyết bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị N1, đồng thời tách việc bồi thường và dành cho bà N1 quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Lê Đ hoặc Công ty Cổ phần X bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Lê Đ phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản điều tra tai nạn lao động, kết luận giám định và vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Lê Đ - Giám đốc Công ty Cổ phần X là nhà thầu thi công xây dựng công trình nhà ở dân dụng tại địa chỉ số D T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Huỳnh Trọng T làm chủ đầu tư. Quá trình thi công Lê Đ có thuê khoán, sử dụng lao động nhưng đã không chấp hành quy định về bảo đảm an toàn lao động trong xây dựng, cụ thể không trang cấp cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại (sơn tường và cạo tường quét vôi) như mũ chống chấn thương sọ não, kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học và dây an toàn chống ngã cao; không trang bị các thiết bị an toàn tại công trình xây dựng như lưới chống rơi bảo vệ khi người lao động thực hiện công việc trên cao; không tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trước khi làm việc tại công trình, mà vẫn sử dụng người

lao động dẫn đến trong quá trình làm việc anh Lê Viết H1 bị té ngã từ sàn công tác xuống hố giếng thang máy tầng trệt công trình, hậu quả làm anh H1 chết, đã vi phạm mục 2.1.5 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 18:2014/BXD về an toàn trong xây dựng do Bộ X1 ban hành; Điều 34 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; khoản 2 Điều 7, khoản 3 và khoản 7 Điều 16, Điều 23 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015 và Điều 115 Luật Xây dựng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào những quy định của nhà nước về an toàn lao động, gây ra thiệt hại cho tính mạng của người khác, lỗi trong vụ án này được xác định là lỗi vô ý. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được những vi phạm của mình về quy định an toàn lao động, nhưng bị cáo đã không tuân thủ đúng các quy định bắt buộc liên quan đến các biện pháp an toàn trong quá trình lao động dẫn đến tai nạn xảy ra gây tử vong cho người lao động. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để bảo đảm đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại (chị Hoàng Thị Mỹ P2) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Hoàn cảnh bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi 03 con nhỏ (lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi) và có mẹ già (82 tuổi) được Tổ dân phố 11 và Ban điều hành Khu phố 3C nơi bị cáo cư trú xác nhận; ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và nơi làm việc ổn định với công việc là Giám đốc Công ty Cổ phần X nên có khả năng tự cải tạo. Nhằm giúp bị cáo yên tâm cải tạo, được tiếp tục ở ngoài xã hội làm công việc điều hành doanh nghiệp, không những tạo ra nguồn thu cho doanh nghiệp mình, mà còn đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nộp thuế vào ngân sách, tạo công ăn việc làm cho người lao động; bên cạnh đó có thời gian chăm sóc nuôi dạy con nhỏ và phụng dưỡng mẹ già. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, vừa thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội lần đầu nhưng vẫn đáp

ứng được mục đích hình phạt áp dụng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Tại điểm e khoản 2 Điều 32 Bộ luật hình sự quy định “*2. Hình phạt bổ sung gồm: e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính*”. Đối chiếu với quy định trên, do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Ngoài ra, như đã lập luận tại đoạn [6], bị cáo là lao động chính trong gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến lĩnh vực xây dựng đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 40cm và 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 1m dùng để lau vết máu cho Lê Viết H1 khi xảy ra tai nạn, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) thùng sơn màu vàng trắng, có quai và chữ D, hình trụ tròn cao khoảng 35cm; 01 (một) con lăn (rulo) cán bằng nhựa, đầu con lăn dài 25cm và 01 (một) cây cọ cán bằng gỗ dài 20cm được anh Lê Viết H1 sử dụng sơn tại công trình xây dựng số D T không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Theo mục 2 Điều IV của Hợp đồng kinh tế số 01/10/2020-HDKT ngày 05/10/2020 quy định nhà thầu thi công (Công ty Cổ phần X) có trách nhiệm quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng, đảm bảo an toàn khu vực thi công, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ, do đó khi có tai nạn xảy ra tại công trình 401 Trường Chinh thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu có thuộc về Công ty X. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chị Hoàng Thị Mỹ P2 là người đại diện hợp pháp của bị hại vừa là người giám hộ cháu Lê Hoàng Yên N4 và cháu Lê Viết Hoàng N3 yêu cầu bị cáo Lê Đ bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng N3, mà không yêu cầu Công ty X Đ bồi thường. Quá trình điều tra, bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 98.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại, trong đó 50.000.000 đồng bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần và 48.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng N3, vì vậy cần phải tôn trọng sự thỏa thuận giữa chị P2 và bị cáo Đ về việc bồi thường, cấp dưỡng số tiền nêu trên; ngoài ra chị P2 còn nhận 50.000.000 đồng tiền hỗ trợ từ ông Hoàng Trọng T2 (là chủ sở hữu căn nhà D T). Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, chị Hoàng Thị Mỹ P2 yêu cầu bị cáo Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lê Viết Hoàng N3 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Hoàng Nam t đủ 18 tuổi, riêng cháu Yên N4 chị P2 không yêu cầu, tại phiên tòa bị cáo Đ thống nhất với yêu cầu cấp dưỡng của chị P2. Như vậy, xét yêu cầu của chị P2 là cần thiết, phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do chị P2 và bị cáo Đ thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của bị cáo và nhu cầu thiết yếu của cháu Hoàng N3 nên Hội đồng xét

xử ghi nhận, bị cáo Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lê Viết H1 là cháu Lê Viết Hoàng N3 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Hoàng Nam thành n (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/6/2023.

[11] Đối với Lê C mặc dù được Lê Đ thuê thời vụ giao nhiệm vụ giám sát, quản lý công nhân tại công trình xây dựng nhà ở số D T, nhưng bị cáo Đ là chủ thầu xây dựng có trách nhiệm cung cấp các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình thi công tại công trình, không phải trách nhiệm của Lê C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không xử lý hình sự đối với Lê C là có căn cứ.

[12] Đối với Nguyễn Trọng T1, mặc dù Triệu thỏa thuận bằng lời nói thuê anh Lê Viết H1 thi công sơn nước tại công trình xây dựng nhà ở số D T, nhưng Triệu chỉ được Lê Đ - Giám đốc Công ty X Đạt hợp đồng miệng thuê khoán thi công hạng mục sơn nước công trình xây dựng, giữa T1 và Lê Đ không có thỏa thuận, quy định trách nhiệm bảo đảm an toàn lao động tại công trình xây dựng nêu trên. Vì vậy, Lê Đ - Giám đốc Công ty X phải có trách nhiệm trang bị các phương tiện bảo hộ lao động và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho con người tại công trình xây dựng nhà ở D T. Do đó, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Trọng T1.

[13] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn) đồng. Ngoài ra, theo quy định tại điểm c, f khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lê Viết H1 là cháu Lê Viết Hoàng N3 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 295; Điều 35; Điều 48 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 30; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 584 và điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đ phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Phạt tiền bị cáo Lê Đ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 40cm; 01 (một) miếng vải màu vàng dài khoảng 1m, rộng 1m; 01 (một) thùng sơn màu vàng trắng, có quai và chữ D, hình trụ tròn cao khoảng 35cm; 01 (một) con lăn (rulo) cán bằng nhựa, đầu con lăn dài 25cm và 01 (một) cây cọ cán bằng gỗ dài 20cm theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/PNK ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Bị cáo Lê Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lê Viết H1 là cháu Lê Viết Hoàng N3, sinh ngày: 10/8/2016 với mức cấp dưỡng là 3.000.000đ (ba triệu) đồng/01 tháng cho đến khi cháu Hoàng Nam thành n (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/6/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Dành cho bà Hoàng Thị N1 quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Lê Đ hoặc Công ty Cổ phần X bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn) đồng. Ngoài ra, bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Viết Hoàng N3 là 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân C1

